

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 441/2020/HSPT
Ngày 15 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;
Ông Ngô Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hòa và ông Nguyễn H1 Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 552/2020/TLPT-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo Lê Văn D, Vũ H1 H và Bùi Văn H1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Lê Văn D, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1993 tại Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 10, xã Thanh Mỹ, H1ện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Nguyên công nhân Công ty may 10; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Hòe và bà Nguyễn Thị Cương; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2019 đến ngày 24/8/2019 chuyển tạm giam. Có mặt.

2. Vũ Huy H, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1997 tại Hải Phòng; ĐKHKTT: Thôn An Ninh, xã Vĩnh An, H1ện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện tại: Số 160 phố 3/2 thị trấn Vĩnh Bảo, H1ện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Bảo và bà Phạm Thị Liên; có vợ Hoàng Cúc Phương; chưa có con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Bùi Văn H1, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1994 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn An Ninh, xã Vĩnh An, H1ện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe taxi; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Tien và bà Vũ Thị Huệ; có vợ Phạm Thị Làn; có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2019 đến ngày 24/8/2019 chuyển tạm giam. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn D:* Ông Nguyễn Bá Ngọc - Luật sư Công ty Luật TNHH một thành viên số 1 Bắc Giang thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H1:* Bà Hoàng Thị Dung - Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Dung thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

* *Ngoài ra còn có:* Bị cáo Hà Đức Nhâm, bị hại Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mai Văn Tuấn không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhằm mục đích trộm cắp tài sản, nên đầu tháng 7/2019, Lê Văn D và Vũ H1 H bàn bạc thống nhất D sẽ xin vào làm việc tại Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Công ty LG Innotek), là doanh nghiệp chuyên sản xuất linh kiện điện thoại, thuộc khu công nghiệp Tràng Duệ, An Dương, thành phố Hải Phòng để trộm cắp camera điện thoại bán cho H. Ngày 29/7/2019 D được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty LG Innotek. Sau thời gian nghiên cứu quy luật hoạt động, giám sát an ninh của công ty, D báo cho H biết và được H đặt mua loại camera modul K70 dùng cho điện thoại Iphone 8plus với giá 250.000 đồng/1 chiếc. Khoảng 22 giờ ngày 04/8/2019 lợi dụng lúc công nhân nghỉ giữa ca, D lên đến giá để sản phẩm Camera module K70 tại khu vực Công đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm, bê 03 khay đựng camera ra khu rửa keo M3, lấy toàn bộ 90 chiếc camera cho vào găng tay cao su, mang giấu vào trong nhà vệ sinh. Đến 03 giờ ngày 05/8/2019, cũng phương thức như trên D tiếp tục trộm cắp 90 Camera module K70 mang giấu cùng chỗ với số camera đã lấy trộm khi trước. Đến 7 giờ 30 cùng ngày hết ca làm việc, D lấy toàn bộ 180 chiếc camera trên giấu vào trong người mang ra khỏi công ty về nhà trọ ở thôn Đồng Xuân, xã Hồng Phong, An Dương, Hải Phòng cất giấu. Sau khi trộm cắp được số camera trên D gọi điện thông báo cho H biết. Khoảng 08h35' ngày 05/8/2019, H đi cùng Bùi Văn H1 đến gặp D tại thôn Đồng Xuân, xã Hồng Phong, H1ện An Dương để mua camera vì trước đó H đã rủ và thống nhất với H1 chung tiền mua số camera do D trộm cắp của Công ty LG Innotek để bán lại kiếm lời. Tại đây, H1 góp 35.000.000 đồng chung với H mua của D

180 camera với giá 45.000.000 đồng.

Cũng với thủ đoạn tương tự trên, đêm ngày 06/8/2019, D lấy trộm 90 chiếc camera module K70 của Công ty LG Innotek mang bán cho H và H1 vào ngày 07/8/2019 được 22.500.000 đồng (số tiền trên là của H); Đêm ngày 08/8/2019, D lấy trộm được 160 chiếc camera module K70, mang bán cho H và H1 vào ngày 10/8/2019 được 40.000.000 đồng (số tiền trên là của H1); Đêm 14/8/2019, D trộm cắp được 250 chiếc camera module K70, mang bán cho H và H1 với giá 310.000 đồng/1 chiếc vào ngày 15/8/2019, được số tiền là 77.000.000 đồng (trong đó H góp 37.000.000 đồng, H1 góp 40.000.000 đồng). Ngay sau khi mua được số camera do D trộm cắp được vào các ngày trên, H đã cùng H1 mang toàn bộ số camera trên đến thành phố Hải Dương bán cho Hà Văn Nhâm với giá 650.000 đồng/01 camera được số tiền 384.000.000 đồng, Nhâm còn nợ lại 56.000.000 đồng chưa trả. Khi mua số camera trên, Nhâm biết và được H và H1 nói nguồn gốc số camera trên là do công nhân trộm cắp của công ty mang ra ngoài bán.

Ngày 16/8/2019, Công ty TNHH LG Innotek tiến hành kiểm kê và qua kiểm tra dữ liệu camera an ninh đã phát hiện Lê Văn D là công nhân của công ty đã trộm cắp 680 chiếc camera module K70 vào các ngày 04, 05, 06, 08, 14/8/2019 nên đã có đơn trình báo đến Cơ quan điều tra. Cùng ngày Lê Văn D đã đến Công an Đồn Trảng Duệ đầu thú về hành vi trộm cắp camera của mình tại Công ty LG Innotek. Ngày 16/8/2019, Vũ H1 H đến Cơ quan điều tra theo giấy triệu tập, Bùi Văn H1 và Hà Đức Nhâm bị bắt theo lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tại Cơ quan điều tra Lê Văn D, Vũ H1 H, Bùi Văn H1 và Hà Đức Nhâm đã khai nhận nội dung như trên; ngoài ra Vũ H1 H còn khai H quen Nguyễn Văn Phúc, sinh năm: 1990; trú tại: thôn 4, xã Thanh Mỹ, H1ện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An vào cuối năm 2018 thông qua việc mua bán quần áo trên Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội. Thông qua Phúc vào đầu năm 2019, H quen biết với D. Sau khi thống nhất với D về việc trộm cắp camera tại Công ty LG Innotek, H nhận được điện thoại của Phúc đề nghị H phải trả cho Phúc 250.000đ/chiếc camera D trộm cắp nếu không Phúc sẽ báo D bán cho người khác với giá cao nên H buộc phải chấp nhận. Sau khi mua camera của D xong vào các ngày 05, 06, 08/8/2019, H đã chuyển vào tài khoản cho Phúc số tiền 107.500.000 đồng. Số tiền H được hưởng lợi trong việc mua bán camera là 130.000.000 đồng, H đã chi tiêu cá nhân hết.

Lê Văn D khai không biết việc Nguyễn Văn Phúc thỏa thuận với H và không nói cho Nguyễn Văn Phúc việc D trộm cắp camera và khai tổng số tiền D bán camera cho H được 182.500.000 đồng, D gửi vào tài khoản ngân hàng Vietcombank của mình 167.500.000 đồng, số tiền còn lại D chi tiêu cá nhân hết.

Bùi Văn H1 khai tổng số tiền H đã chia cho H1 sau khi bán camera là 18.000.000 đồng H1 đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 19/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự H1ện An Dương xác định: Tổng 680 chiếc camera K70 do Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam sản xuất bị trộm cắp trị giá 403.615.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Văn D 11 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/8/2019.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ H1 H 09 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; xử phạt bị cáo Bùi Văn H1 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/8/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Hà Đức Nhâm 04 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2020, bị cáo Lê Văn D; ngày 20/6/2020 bị cáo Vũ H1 H; ngày 22/6/2020 bị cáo Bùi Văn H1 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày:

- Bị cáo D trình bày: Bị cáo thừa nhận hình vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết, nhưng với mức án như bản án sơ thẩm đối với bị cáo là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội trở về cuộc sống bình thường.

- Bị cáo H trình bày: Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là đúng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã cộng tất cả các lần phạm tội để thành tổng số tiền 403.615.000đ làm căn cứ là tình tiết định khung ở khoản 3 Điều 173 Bộ uật Hình sự, nhưng lại áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội từ 02 lần trở lên” đối với bị cáo là không đảm bảo công bằng; từ đó dẫn đến xử phạt bị cáo 09 năm tù là cao so với hành vi phạm tội của mình, bản thân bị cáo hiện bị bệnh viêm tụy cấp. Vì vậy, bị cáo đề nghị không áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có cơ hội chữa trị bệnh và làm lại cuộc đời.

- Bị cáo H1 trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã quy kết, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì với mức án như bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình; trong vụ án này bị cáo D chịu trách nhiệm chính, sau đó đến bị cáo H và đến bị cáo H1; bị cáo D cũng được hưởng lợi nhiều nhất đến bị cáo H, bị cáo H1 chỉ được hưởng lợi 18.000.000 đồng; các bị cáo đã bồi thường gần hết số tiền thiệt hại cho bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H đã nộp hết số tiền bồi thường thiệt hại theo bản án sơ thẩm và tiền án phí; với mức án như bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cả ba bị cáo.

Về phần xử lý vật chứng cấp sơ thẩm xử lý chưa đúng quy định của pháp luật, lẽ ra số tiền các bị cáo bỏ ra để giao dịch, mua bán tài sản là phương tiện phạm tội cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, không có kháng cáo, kháng nghị liên quan đến nội dung này, nên trong phạm vi xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát chưa xem xét mà sẽ xem xét ở trình tự khác theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H1 phát biểu bào chữa: Không tranh luận về tội danh, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò đồng phạm của bị cáo không đáng kể; bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, đã tự nguyện nộp số tiền khắc phục hậu quả, gia đình bị cáo có công với cách mạng, có cụ nội là liệt sỹ, có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo. Về phần dân sự, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 40.000.000 đồng, nhưng theo bản án sơ thẩm bị cáo chỉ phải bồi thường cho bị hại số tiền 24.200.000 đồng còn thừa 15.800.000 đồng lẽ ra cấp sơ thẩm tuyên trả lại cho bị cáo nhưng bản án sơ thẩm đã không xử lý, nên đề nghị cấp phúc thẩm trả lại số tiền bị cáo đã nộp thừa là 15.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo D do gia đình bị cáo mời vắng mặt không có lý do chính đáng, bị cáo D đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm quy kết các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án như: Vật chứng vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và nhiều tài liệu chứng cứ khác, vì vậy có đủ căn cứ xác định:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, Lê Văn D và Vũ H1 H đã bàn bạc với nhau là D xin vào làm việc tại Công ty LG Innotek Việt Nam Hải Phòng, nhằm mục đích để trộm cắp tài sản bán cho H để lấy tiền; Vũ H1 H đã rủ Bùi Văn H1 cùng tham gia và góp tiền để mua tài sản do D trộm cắp đem bán. Trong thời gian từ ngày 04/8/2019 đến ngày 15/8/2019 Lê Văn D 05 lần trộm cắp được 680 chiếc camera module K70 bán cho H và H1 lấy số tiền 184.500.000đ. Hành vi đó của bị cáo Lê Văn D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Vũ H1 H và Bùi Văn H1 do có hứa hẹn trước với bị cáo D trong việc sẽ tiêu thụ tài sản do D trộm cắp được, nên đã đồng phạm với Lê Văn D. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử, quy kết các bị cáo Lê Văn D, Vũ H1 H và Bùi Văn H1 về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật; các bị cáo không bị oan.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến tài sản của bị hại, gây tâm lý hoang mang, tạo dư luận xấu, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, đặc biệt trong vụ án này bị hại là doanh nghiệp nước ngoài đang đầu tư vào Việt Nam nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến chính sách thu hút đầu tư của địa phương. Do tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp có giá trị trên 200.000.000đ nên cấp sơ thẩm quy kết, xét xử các bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, thấy: Hội đồng xét xử đồng tình với nhận định, đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm là mặc dù các bị cáo phải chịu trách nhiệm về tổng giá trị tài sản của các lần phạm tội để làm căn cứ định khung hình phạt còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là “Phạm tội từ 02 lần trở lên”; vì các lần phạm tội của các bị cáo đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm; cấp sơ thẩm cũng đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra các bị cáo khai báo thành khẩn, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án; tại phiên tòa sơ thẩm và đặc biệt là tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và được đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo D mặc dù bị phong tỏa tài khoản đối với số tiền 165.824.321đ và bị cáo cũng đã tự nguyện dùng số tiền này để khắc phục hậu quả, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại

điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thiếu sót nên cần áp dụng đối với bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, gia đình bị cáo H, H1 có công với cách mạng; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo H tiếp tục nộp số tiền 23.400.000 đồng để bồi thường cho bị hại và nộp số tiền 1.370.000 đồng tiền án phí sơ thẩm; bị cáo H1 nộp số tiền 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, đây là các tình tiết mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm. Đặc biệt, trong vụ án này bị cáo Bùi Văn H1 là do bị cáo H rủ rê cùng tham gia phạm tội, bị cáo chỉ chung tiền với bị cáo H để mua tài sản do D trộm cắp, bị cáo chỉ được hưởng lợi số tiền 18.000.000đ nên bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể, nên có đủ điều kiện áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt. Do đó, có căn cứ để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho cả ba bị cáo là có căn cứ.

[5] Về dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo H1 đã nộp số tiền 40.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại, nhưng bản án sơ thẩm quyết định bị cáo chỉ phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 24.200.000 đồng, số tiền còn lại 15.800.000 đồng lẽ ra cấp sơ thẩm cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng bản án sơ thẩm đã không quyết định, nên cần sửa bản án sơ thẩm cả về nội dung này để tuyên trả lại số tiền thừa cho bị cáo. Ghi nhận bị cáo Vũ H1 H đã nộp tiếp số tiền 23.400.000đ để bồi thường cho bị hại.

[6] Về án phí: Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn D, Vũ H1 H, Bùi Văn H1; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; (khoản 2 Điều 54 đối với bị cáo Bùi Văn H1) Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn D 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/8/2019; xử phạt bị cáo Vũ H1 H 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; xử phạt bị cáo Bùi Văn H1 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/8/2019 đều về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ghi nhận bị cáo Vũ H1 H đã nộp số tiền 23.400.000đ để khắc phục hậu quả cho bị hại và 1.370.000đ tiền án phí sơ thẩm theo biên lai số 0006566 ngày 14/9/2020, biên lai số 0006559 ngày 07/9/2020 của Cục thi hành án dân

sự thành phố Hải Phòng; bị cáo Bùi Văn H1 đã nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0006564 ngày 09/9/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; các bị cáo H1, H đã nộp đủ án phí sơ thẩm, bị cáo H, H1 đã nộp đủ số tiền bồi thường dân sự cho bị hại; trả lại cho bị cáo Bùi Văn H1 số tiền 15.800.000 đồng (còn thừa) đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0004054 ngày 25/3/2020.

Về án phí: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm;

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc Nguyễn Xuân Phách Thái Duy Nhiệm

